

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HS-ST
Ngày: 11/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diễm Chi.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HS ngày 24/02/2006 đối với bị cáo:

Bùi Thị Tú L, sinh ngày 22/6/1992, tại: xã P, tỉnh Gia Lai; Thẻ căn cước công dân: 052192024039; nơi cư trú: K, xã T, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ làm tóc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972; chồng: Trần Trinh C, sinh năm 1988; con: có 05 người, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Huỳnh Đình K, sinh năm 2002 (vắng mặt);

Trú tại: Thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai.

+ Nguyễn Thị N, sinh năm 1939 (có mặt);

Trú tại: Khối T, xã T, tỉnh Gia Lai.

+ Trần Trinh C, sinh năm 1988 (có mặt);

Trú tại: Khối T, xã T, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2023, Bùi Thị Tú L, sinh năm 1992, ở khối T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là khối T, xã T, tỉnh Gia Lai, lên mạng xã hội Facebook tìm hiểu và đặt mua 01 gói ma túy đá với giá 3.000.000 đồng, L đem gói ma túy trên về cất giấu dưới tấm nệm trên giường ngủ tại phòng buồng của mình. Sau đó, L phân chia gói ma túy trên thành nhiều gói nhỏ để bán lại kiếm lời.

Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/05/2023, Huỳnh Đình K, sinh năm 2002, ở thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai) đã gọi điện cho Bùi Thị Tú L qua số thuê bao 0969025169 để hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá. L đồng ý bán và yêu cầu K chuyển tiền mua ma túy qua số tài khoản của Bùi Thị Tú L 9704229284022725 thuộc ngân hàng Q và hẹn K đến nhà L ở khối T, xã T, tỉnh Gia Lai để lấy ma túy, K đồng ý. Sau đó, K sử dụng ứng dụng Viettel Pay chuyển khoản số tiền 300.000 đồng là tiền mua ma túy qua số tài khoản của L. Khi nhận được tiền, L lấy 01 gói nhựa bên trong có chứa chất ma túy, kích thước khoảng (02 x 01) cm bỏ trong tờ giấy vở học sinh gói lại để tránh bị phát hiện và đặt trên bàn thờ ông địa trong nhà ở của L và nhờ bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1939 (là bà nội chồng của L đang sinh sống cùng vợ chồng L) khi nào có người đến nhà thì chỉ chỗ để người đó đến lấy, sau đó L đi công việc. Sau khi chuyển tiền mua ma túy xong, K nhờ Nguyễn Trung H1, sinh năm 2005, ở thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai điều khiển xe mô tô chở K đến nhà L để lấy gói ma túy đã mua về sử dụng. Khi đến nơi, H1 đứng chờ bên ngoài, cách nhà L khoảng 50 mét, K đi bộ một mình vào nhà L thì gặp bà N, bà N đưa cho K gói ma túy trên. Khiêm ra đứng tại hè nhà của L dùng điện thoại chụp ảnh gói ma túy gửi cho Võ Thanh S, sinh năm 2007, ở thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai để thông báo cho S biết là K đã mua được ma túy, sau đó H1 điều khiển xe chở K mang gói ma túy vừa mua được về nhà S để cả 3 người cùng nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của K, S và H1, thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và các đồ vật có liên quan. Nghe K bị bắt giữ, L đã lấy số ma túy còn lại vứt bỏ để khỏi bị phát hiện.

Kết quả xét nghiệm mẫu nước tiểu xác định các đối tượng K, S và H1 đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine.

Ngày 20/05/2023, Phòng K1 - Công an tỉnh B (cũ) có Kết luận giám định số: 246/KL-KTHS kết luận:

- Lượng chất bám dính bám dính bên trong 01 (một) ống thủy tinh dài 17 cm, có phễu tròn ở đầu, đường kính 1,7 cm, có gắn ống hút nhựa màu vàng sọc đỏ dài 4,5 cm ít nên không đủ lượng để tiến hành giám định.

- Các hạt tinh thể đựng bên trong 01 (một) gói nhựa dạng hình chữ nhật, kích thước (2 x 1,5) cm gửi giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy, có khối lượng 0,1262 gam.

- Lượng chất bám dính trong 01 (một) miếng nhựa màu trắng hình dạng không xác định, kích thước nơi dài nhất là 1,4 cm, nơi ngắn nhất là 0,6 cm, có dấu hiệu bị hư đốt, ít nên không đủ lượng để tiến hành giám định.

Về vật chứng thu giữ: 01 nắp chai nhựa màu đỏ đường kính 03 cm, trên nắp có đục 02 lỗ tròn, 01 lỗ gắn ống hút nhựa màu vàng sọc đỏ dài 20 cm; 01 ống thủy tinh dài 17cm có phễu tròn ở đầu, đường kính 1,7 cm, gắn ống hút nhựa màu vàng sọc đỏ dài 4,5 cm ; 01 miếng nhựa màu trắng hình dạng không xác định, kích thước nơi dài nhất là 1,4 cm, nơi ngắn nhất là 0,6 cm có dấu hiệu bị hư đốt (đã niêm phong); 01 gói nhựa dạng hình chữ nhật kích thước (2 x 1,5)cm, không tìm thấy thành phần các chất ma túy, có khối lượng 0, 1262 gam, sau khi giám định còn lại là 0, 0498 gam; 01 hộp giấy kích thước (8,5 x 6 x 13) cm có nhãn hiệu collagen extra; 01 chai nhựa có dán nhãn sting cao 21 cm, đường kính đáy 4,5 cm, đường kính miệng 2,4 cm; 01 bật lửa đã tháo phần đánh lửa cao 7,3 cm gắn tim mỗi lửa dài 2,1 cm; 01 ống hút nhựa màu vàng sọc đỏ hàn kín một đầu, một đầu vót nhọn dài 5,2 cm; 01 khò lửa màu trắng in chữ FLAME GUN dài 17,5 cm; 01 bình gas mini loại Namilux cao 18 cm; 01 kéo kim loại có phần kim loại màu đen, kích thước kéo dài 20,8 cm; 01 điện thoại Vi vo màu trắng xanh của H1; 01 điện thoại I phone 6 màu bạc của K; 01 điện thoại I phone 8 plus màu trắng của S.

Đối với chiếc điện thoại Bùi Thị Tú L sử dụng liên lạc với K bán ma túy, L đã làm mất nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSKV4 ngày 28/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai truy tố bị cáo Bùi Thị Tú L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thị Tú L phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị Tú L mức án từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Truy thu tiền thu lợi bất chính của bị cáo Bùi Thị Tú L số tiền 300.000 đồng có được từ việc mua bán ma túy để nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội cũng như đề nghị giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết ăn năn hối hận về hành vi sai trái của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và Điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện:

Khoảng tháng 05/2023, bị cáo Bùi Thị Tú L đã mua 01 gói ma túy đá với giá 3.000.000 đồng của đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch, cất giấu dưới tấm nệm trên giường ngủ tại phòng buồng của mình. Sau đó, bị cáo L đã phân chia gói ma túy trên thành nhiều gói nhỏ, mục đích để bán lại kiếm lời. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 18/05/2023, K gọi điện thoại cho L hỏi mua 300.000 đồng ma túy, L đồng ý và yêu cầu K chuyển khoản tiền mua ma túy vào số tài khoản của L 9704229284022725 ngân hàng M và hẹn K đến chỗ ở của L để lấy ma túy. Sau đó, bị cáo L lấy gói ma túy bỏ trong tờ giấy gói lại để ở bàn thờ thần tài và nhờ bà Nguyễn Thị N khi nào có người đến thì chỉ chỗ cho họ lấy nhưng không nói rõ cho bà N biết đó là gói ma túy. Sau đó, K đã đến lấy gói ma túy và đem về sử dụng; kết quả giám định chất ma túy mà K sử dụng sau khi mua ma túy của bị cáo L là loại Methamphetamine.

Bị cáo L là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Thị Tú L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai truy tố là có căn cứ.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo Bùi Thị Tú L là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo

mức án thật nghiêm khắc mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có 05 người con và các con còn nhỏ tuổi nên hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị Tú L là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức được ma túy nói chung là chất gây nghiện được Nhà nước thống nhất quản lý, nghiêm cấm hành vi mua bán trái phép nhưng bị cáo vì lợi ích bản thân muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng mà không phải đổ mồ hôi, công sức đã coi thường kỷ cương pháp luật, sức khỏe của người khác thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy (loại Methamphetamine). Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

[5] Đối với Nguyễn Thị N được L nhờ chỉ chỗ L để gói giấy (bên trong có ma túy) cho K đến lấy, L không nói cho bà N biết đó là gói ma túy, cũng không nói rõ mục đích của mình bán ma túy cho K. Bà N đã cao tuổi, không nhớ diễn biến sự việc, không biết việc L nhờ giao bán ma túy, không biết gói đó là ma túy, không biết việc mua bán ma túy giữa L và K nên bà N không có lỗi, do vậy không có căn cứ xử lý bà Nguyễn Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 251 BLHS.

Đối với Trần Trinh C là người đăng ký thuê bao chính chủ số điện thoại 0969025169 (số điện thoại L sử dụng để liên lạc mua bán ma túy) nhưng C đã đưa lại cho L sử dụng nên không biết việc L sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy nên không có căn cứ để xử lý.

Quá trình điều tra, L khai nhận ngoài gói ma túy đã bán cho K, đối với số ma túy còn lại, khi nghe tin K bị bắt L đã rút không xác định được vị trí cụ thể nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với người bán ma túy cho L, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở xác minh điều tra tiếp theo.

[6] Về số tiền thu lợi bất chính: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự: Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ hành vi bán ma túy của bị cáo Bùi Thị Tú L; buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách nhà

nước.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Bùi Thị Tú L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai luận tội và đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thị Tú L là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Tú L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Tú L 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Buộc bị cáo Bùi Thị Tú L phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Thị Tú L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4 – Gia Lai;
- Phòng HSNV (PV06) CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Dương sự vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phương Thảo